

Họ và tên:.....

Lớp 11A...

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN**Câu 1:** Cảm ứng ở sinh vật là khả năng cơ thể

- A. sinh vật tiếp nhận và phản ứng thích hợp với kích thích từ môi trường.
- B. thực vật tiếp nhận và phản ứng thích hợp với kích thích từ môi trường.
- C. sinh vật tiếp nhận và phản ứng thích hợp với kích thích từ môi trường bên trong cơ thể.
- D. động vật tiếp nhận và phản ứng thích hợp với kích thích từ môi trường.

Câu 2: Vai trò của cảm ứng ở sinh vật là giúp

- A. sinh vật phản ứng lại các kích thích của môi trường để tồn tại và phát triển.
- B. sinh vật thích ứng với những thay đổi của môi trường để tồn tại và phát triển.
- C. động vật có tư duy và nhận thức học tập.
- D. sinh vật tồn tại và không phát triển.

Câu 3: Cảm ứng của thực vật là khả năng

- A. nhận biết các thay đổi môi trường của thực vật.
- B. phản ứng của thực vật trước thay đổi của môi trường.
- C. nhận biết và phản ứng kịp thời với các thay đổi của môi trường.
- D. chống lại các thay đổi của môi trường.

Câu 4: Thân và rễ của cây có kiểu hướng động như thế nào?

- A. Thân hướng sáng dương và hướng trọng lực âm, còn rễ hướng sáng dương và hướng trọng lực dương.
- B. Thân hướng sáng dương và hướng trọng lực âm, còn rễ hướng sáng âm và hướng trọng lực dương.
- C. Thân hướng sáng âm và hướng trọng lực dương, còn rễ hướng sáng dương và hướng trọng lực âm.
- D. Thân hướng sáng dương và hướng trọng lực dương, còn rễ hướng sáng âm và hướng trọng lực dương.

Câu 5: Các tua cuốn của mướp, bầu, bí có hiện tượng hướng động nào?

- A. Hướng sáng.
- B. Hướng trọng lực.
- C. Hướng tiếp xúc.
- D. Hướng nước.

Câu 6: Khi bị kích thích, thủy tức phản ứng bằng cách

- A. trả lời kích thích cục bộ.
- B. co toàn bộ cơ thể.
- C. co rút chất nguyên sinh.
- D. chuyển động cả cơ thể.

Câu 7: Động vật có hệ thần kinh dạng chuỗi hạch có thể trả lời cục bộ khi bị kích thích vì

- A. số lượng tế bào thần kinh tăng lên.
- B. các hạch thần kinh liên hệ với nhau.
- C. các tế bào thần kinh trong hạch nằm gần nhau.
- D. mỗi hạch là một trung tâm điều khiển một vùng xác định của cơ thể.

Câu 8: Trong hệ thần kinh dạng ống, não gồm những phần nào?

- A. Bán cầu đại não, não trung gian, não giữa, tiểu não và trụ não.
- B. Bán cầu đại não, não trung gian, não giữa, tiểu não và hành - cầu não.
- C. Bán cầu đại não, não trung gian, cuống não, tiểu não và hành - cầu não.
- D. Bán cầu đại não, não trung gian, củ não sinh tư, tiểu não và hành - cầu não.

Câu 9: Hệ thần kinh dạng ống gặp ở những nhóm động vật nào sau đây?

- A. Cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú, giáp xác.
- B. Cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú, thân mềm.
- C. Cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú, giun đốt.
- D. Cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú.

Câu 10: Hệ thần kinh dạng lưới thường gặp ở

- A. động vật có cơ thể đối xứng tỏa tròn.
- B. động vật có xương sống.
- C. các ngành giun như giun dẹp, giun tròn.
- D. động vật chân khớp, côn trùng.

Câu 11: Hệ thần kinh ống hoạt động theo nguyên tắc

- A. phản xạ.
- B. cảm ứng.
- C. dẫn truyền.
- D. đáp ứng xung thần kinh.

Câu 12: Các tế bào thần kinh của hệ thần kinh dạng ống được phân chia thành

- A.** thần kinh trung ương (gồm não bộ và các dây thần kinh não) và thần kinh ngoại biên (gồm các hạch thần kinh và tủy sống).
- B.** thần kinh trung ương (gồm não bộ và tủy sống) và thần kinh ngoại biên (gồm các hạch thần kinh và các dây thần kinh não, tủy).
- C.** thần kinh trung ương (gồm các hạch thần kinh và các dây thần kinh não, tủy) và thần kinh ngoại biên (gồm não bộ và tủy sống).
- D.** thần kinh trung ương (gồm các hạch thần kinh và tủy sống) và thần kinh ngoại biên (gồm não bộ và các dây thần kinh não).

Câu 13: Đơn vị cấu tạo chức năng của hệ thần kinh là

- A.** synapse. **B.** hạch thần kinh. **C.** tủy. **D.** neuron.

Câu 14: Thụ thể tiếp nhận chất trung gian hóa học nằm ở

- A.** màng trước synapse. **B.** khe synapse. **C.** chùy synapse. **D.** màng sau synapse.

Câu 15: Phát biểu nào sau đây là **không** đúng khi nói về cấu tạo của synapse hoá học?

- A.** Trên màng trước synapse có các kênh Ca^{2+} .
- B.** Khe synapse là khoảng hở giữa màng trước synapse và màng sau synapse.
- C.** Trên màng sau synapse có các thụ thể tiếp nhận các chất trung gian hoá học.
- D.** Các chất trung gian hoá học trong các bóng synapse được chứa ở khe synapse.

Câu 16: Khứu giác có vai trò

- A.** giúp động vật giữ thăng bằng khi di chuyển.
- B.** gây ra nhiều phản ứng như đánh giá trượt ngã, giữ vật chính xác không để tuột, rơi, nuốt khi thức ăn trong miệng đã nhỏ và tạo thành viên.
- C.** giúp động vật chọn lựa loại thức ăn ăn được và không ăn được, đảm bảo chất dinh dưỡng cho cơ thể tồn tại và phát triển.
- D.** gây nhiều phản ứng khác nhau như tìm kiếm thức ăn, chọn thức ăn phù hợp, tránh kẻ thù, tìm đến bạn tình, định hướng đường đi, nhận ra con mới sinh.

Câu 17: Có bao nhiêu loại thụ thể cảm giác?

- A.** 2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 5.

Câu 18: Cấu tạo của neuron gồm những thành phần nào sau đây?

- A.** Thân, sợi cong, sợi nhánh **B.** Thân, sợi nhánh, sợi trục
- C.** Đầu, thân, nhánh **D.** Đầu, nhánh, trục

Câu 19: Synapse cấu tạo gồm các bộ phận nào?

- A.** Synapse hóa học và synapse điện. **B.** Khe synapse, cúc synapse và màng synapse.
- C.** Chùy synapse, khe synapse và màng sau synapse. **D.** Màng sau, màng giữa và màng trước synapse.

Câu 20: Tập tính ở động vật là

- A.** chuỗi phản ứng trả lời các kích thích từ môi trường (bên trong hoặc bên ngoài), giúp động vật tồn tại và phát triển.
- B.** phản xạ không điều kiện của động vật đối với các kích thích môi trường.
- C.** quá trình học tập và rút kinh nghiệm từ môi trường sống.
- D.** các hoạt động do con người huấn luyện và tạo thành.

Câu 21: In vết là hình thức học tập mà con vật mới sinh ra bám theo vật thể

- A.** tĩnh mà nó nhìn thấy đầu tiên, hiệu quả in vết giảm dần trong những ngày sau.
- B.** chuyển động mà nó nhìn thấy đầu tiên, hiệu quả in vết giảm dần trong những ngày sau.
- C.** chuyển động mà nó nhìn thấy, hiệu quả in vết tăng dần trong những ngày sau.
- D.** chuyển động mà nó nhìn thấy đầu tiên, hiệu quả in vết tăng dần trong những ngày sau.

Câu 22: Hình thức học tập in vết phát triển nhất ở

- A.** chim. **B.** cáo. **C.** rắn. **D.** heo.

Câu 23: Nối cột A với cột B sao cho các ví dụ trùng khớp với tên của chúng.

A	B
1. Tập tính bẩm sinh	a. Trẻ con rửa tay
2. Học xã hội	b. Nhện đan lưới
3. In vết	c. Vịt con đi theo vịt mẹ từ khi mới sinh ra

Câu 24: Quá trình cảm nhận ánh sáng có thể tóm tắt theo sơ đồ nào sau đây?

A. Mắt → Dây thần kinh thị giác → Vùng thị giác trên vỏ não.

B. Dây thần kinh thị giác → Vùng thị giác trên vỏ não → Mắt.

C. Vùng thị giác trên vỏ não → Mắt → Dây thần kinh thị giác.

D. Mắt → Vùng thị giác trên vỏ não → Dây thần kinh thị giác.

Câu 25: Xét các đặc điểm sau:

(1) Hình thành trong đời sống cá thể. (2) Rất bền vững và không thay đổi.

(3) Tác nhân kích thích ứng với thụ thể cảm giác. (4) Có sự tham gia của vỏ não. Trong các đặc điểm trên, những đặc điểm của phản xạ có điều kiện gồm:

A. (1) và (4). B. (2) và (3). C. (2), (3) và (4). D. (1), (2) và (4).

Câu 26: Trường hợp nào sau đây là phản xạ không có điều kiện?

A. nghe tiếng gọi “chít chít”, gà chạy tới.

B. nhìn thấy quả chanh ta tiết nước bọt.

C. nhìn thấy con quạ bay trên trời, gà con núp vào cánh gà mẹ.

D. hít phải bụi ta “hắt xì hơi”.

Câu 27: Tập tính bẩm sinh là:

A. Sinh ra đã có, di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho loài

B. Sinh ra vài tháng sau mới có, di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho loài

C. Sinh ra đã có, không di truyền từ bố mẹ, không đặc trưng cho loài

D. Là tập tính học được từ bố mẹ

Câu 28: Sinh trưởng ở cơ thể sinh vật là quá trình

A. gia tăng kích thước và khối lượng của cơ thể sinh vật.

B. gia tăng kích thước và số lượng tế bào của cơ thể sinh vật.

C. phân hóa tế bào, phát sinh hình thái cơ quan và cơ thể.

D. biến đổi về cấu trúc của tế bào và cơ thể.

Câu 29: Khi nói về đặc điểm sinh trưởng và phát triển ở thực vật, phát biểu nào sau đây đúng?

A. Quá trình sinh trưởng và phát triển từ giai đoạn ra hoa cho đến khi cây già và chết.

B. Sinh trưởng và phát triển xảy ra tại một số vị trí, cơ quan trên cơ thể thực vật như ngọn thân, đỉnh cành, chóp rễ nơi có các mô phân sinh.

C. Sinh trưởng và phát triển xảy ra tại tất cả cơ quan trên cơ thể thực vật làm tăng chiều cao, đường kính thân.

D. Sinh trưởng không giới hạn được biểu hiện bằng sự xuất hiện và thay mới của các cơ quan như cành, lá, rễ, hoa, quả trong suốt chu kỳ sống của cây.

Câu 30: Phát triển là

A. quá trình tăng kích thước và khối lượng cơ thể.

B. sự biến đổi về cấu trúc và chức năng của tế bào, mô, cơ quan và cơ thể, diễn ra trong quá trình sống của sinh vật.

C. quá trình phát sinh các cấu trúc mới tạo nên các cơ quan mới của cơ thể sinh vật.

D. phân hoá và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể.

Câu 31: Hoocmon thực vật nào sau đây có vai trò kích thích sự nảy mầm của hạt và sự giãn dài của lóng?

A. Auxin. B. Cytokinin. C. Gibberellin (GA). D. Ethylene.

Câu 32: Nhóm hoocmon ức chế sinh trưởng ở thực vật bao gồm:

A. Auxin, Gibberellin. B. Cytokinin, Ethylene.

C. Absciscic acid (ABA), Ethylene. D. Gibberellin, Cytokinin

Câu 33. Vòng đời của sinh vật là

A. khoảng thời gian tính từ khi cơ thể được sinh ra, lớn lên, phát triển thành cơ thể trưởng thành, sinh sản tạo cá thể mới, già đi rồi chết.

B. khoảng thời gian tính từ khi cơ thể được sinh ra, lớn lên, phát triển thành cơ thể trưởng thành.

C. khoảng thời gian tính từ khi cơ thể được sinh ra cho đến khi chết vì chịu tác động của các nhân tố sinh thái.

D. khoảng thời gian tính từ khi sinh ra cho đến khi chết vì già.

Câu 34. Khi nói về sự sinh trưởng và phát triển ở sinh vật. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Cây ra lá là sự phát triển của thực vật.
 - II. Con gà tăng khối lượng từ 1,3 kg đến 3,1 kg là sự sinh trưởng của động vật.
 - III. Phát triển là cơ sở cho sinh trưởng, sinh trưởng làm thay đổi và thúc đẩy phát triển.
 - IV. Sinh trưởng và phát triển có liên quan mật thiết với nhau, không tách rời nhau và đan xen với nhau.
- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 35. Khi nói về dấu hiệu biểu hiện sự sinh trưởng của động vật. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Con bò tăng khối lượng cơ thể từ 60 kg đến 120 kg.
 - II. Con gà trống mọc mào và cựa.
 - III. Con gà mái đẻ trứng.
 - IV. Con trăn tăng chiều dài cơ thể thêm 22 cm.
- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 36: Đặc điểm nào **không có** ở hormone thực vật?

- A. Với nồng độ rất thấp gây ra những biến đổi mạnh trong cơ thể.
- B. Tính chuyên hoá cao hơn nhiều so với hormone ở động vật bậc cao.
- C. Trong cây, hormone được vận chuyển theo mạch gỗ và mạch rây.
- D. Được tạo ra một nơi nhưng gây ra phản ứng ở nơi khác trong cây.

Câu 37. Cho các đặc điểm sau, có bao nhiêu đặc điểm của sinh trưởng sơ cấp ở thực vật?

- I. Làm tăng chiều dài của thân và rễ.
 - II. Do hoạt động của mô phân sinh bên.
 - III. Chỉ xảy ra ở thực vật hai lá mầm.
 - IV. Sinh trưởng theo chiều ngang của thân.
- A. 1 B. 3 C. 2 D. 4

Câu 38. Hormone được ứng dụng để kích thích ra rễ của cành giâm, cành chiết trong nhân giống vô tính là

- A. gibberellin. B. auxin. C. cytokinin. D. kinetin.

Câu 38. Cây ra hoa không phụ thuộc vào độ dài thời gian chiếu sáng được gọi là

- A. cây ngày dài. B. cây ngắn ngày. C. cây trung tính. D. cây ngày ngắn.

Câu 39: Mỗi loài thực vật sinh trưởng và phát triển thuận lợi trong một khoảng nhiệt độ nhất định. Nhiệt độ tối ưu của cây nhiệt đới là

- A. 15 – 20 °C. B. 20 – 30 °C C. 25 – 35 °C D. 0 – 15 °C

Câu 40: Trong các nhân tố ảnh hưởng đến sự sinh trưởng, phát triển ở thực vật sau, nhân tố được xếp vào nhóm nhân tố bên trong là

- A. chế độ dinh dưỡng. B. hormone. C. phổ ánh sáng. D. sự xuân hóa.

Câu 41: Cho các nhóm thực vật: hành, cà chua, lạc, củ cải đường, cà phê, cà tím và hướng dương.

Các nhóm thực vật thuộc cây ngày ngắn là

- A. củ cải đường và lạc. B. lạc và cà phê.
- C. cà tím và hướng dương. D. hướng dương và lúa.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1: Mỗi phát biểu về sinh trưởng và phát triển ở thực vật bên dưới là đúng hay sai

- a) Sinh trưởng ở thực vật là quá trình tăng về kích thước và khối lượng cơ thể.
- b) Phát triển là quá trình biến đổi về chất, bao gồm nảy mầm, ra lá, ra hoa, tạo quả.
- c) Sinh trưởng thứ cấp chỉ có ở cây một lá mầm.
- d) Mô phân sinh đỉnh giúp cây tăng trưởng về chiều dài.

Câu 2: Mỗi phát biểu về vai trò của Hoocmon thực vật bên dưới là đúng hay sai.

- a) Auxin (như 2,4-D) được sử dụng để kích thích đậu quả, tạo quả không hạt.
- b) Gibberellin (GA) kích thích sự vươn dài của thân và sự nảy mầm của hạt.
- c) Ethylene có tác dụng chính là kích thích quá trình rụng lá và quả chín.
- d) Absciscic acid (ABA) là hoocmon kích thích sinh trưởng mạnh nhất.

Câu 3: Các yếu tố môi trường và quang chu kỳ

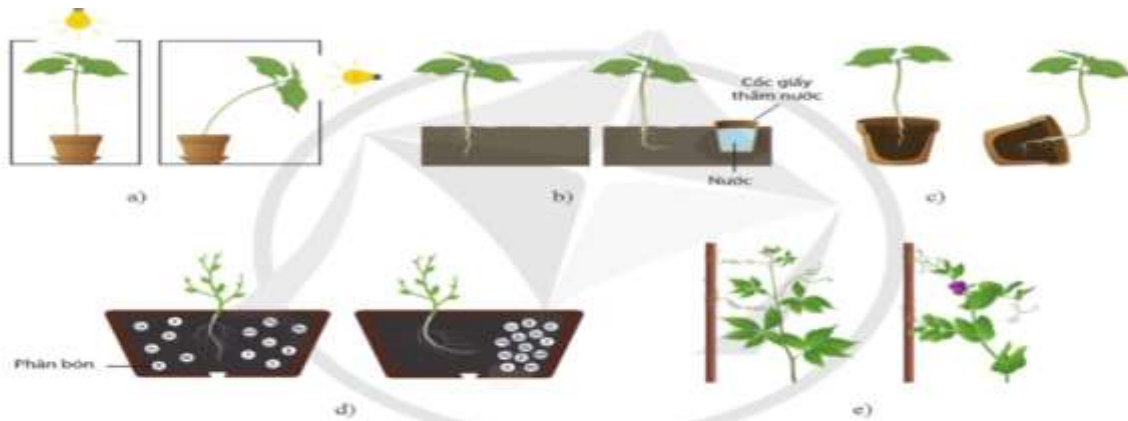
- a) Phitocrom là sắc tố tiếp nhận ánh sáng trong phản ứng quang chu kì.
- b) Cây ngày dài chỉ ra hoa trong điều kiện ngày ngắn đêm dài.

- c) Lúa mì là cây ngày dài, còn cúc là cây ngày ngắn.
 d) Florigen là hoocmon kích thích sự ra hoa, được sinh ra ở lá.

Câu 4: Ứng dụng cảm ứng trong thực tiễn

- a) Làm giàn cho cây bầu, bí là ứng dụng của tính hướng tiếp xúc để tối ưu diện tích và ánh sáng.
 b) Việc thắp đèn ban đêm cho hoa cúc là ứng dụng của cảm ứng để điều khiển sự ra hoa.
 c) Trồng cây trong chậu đặt sát cửa sổ giúp cây phát triển thẳng đứng nhờ hướng sáng dương.
 d) Tưới nước ở gốc cây thay vì trên lá giúp rễ cây phát triển nhanh hơn nhờ tính hướng nước.

Câu 5: Quan sát hình ảnh sau và dựa vào thông tin về cảm ứng ở thực vật cho biết mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai ?



Hình 12-4. Một số kiểu hướng động ở thực vật: hướng sáng (a), hướng nước (b), hướng trọng lực (c), hướng hoá (d), hướng tiếp xúc (e).

- a)** Dựa vào bản chất của các loại tác nhân kích thích, người ta phân chia hướng động thành các dạng cơ bản sau : hướng sáng, hướng trọng lực, hướng dương, hướng nước, hướng âm.
b) Cảm ứng ở thực vật giúp thực vật tiếp nhận và phản ứng thích hợp với các kích thích từ môi trường, đảm bảo cho thực vật tồn tại và phát triển.
c) Hiện tượng cảm ứng ở thực vật được con người ứng dụng trong rất nhiều mặt của đời sống như: Ứng dụng tính hướng dương của thực vật để tạo hình cây bonsai, trồng xen canh các cây ưa sáng và ưa bóng để tận dụng triệt để nguồn ánh sáng. Ứng dụng tính hướng hóa để trồng cây thủy sinh, cây gần bờ ao, ruộng nước. Ứng dụng tính hướng tiếp xúc để làm giàn cho các cây leo như: bầu, bí, mướp ...
d) Hiện tượng cây phát triển về phía có nguồn dinh dưỡng gọi là tính hướng hóa âm còn hiện tượng cây phát triển tránh xa nguồn chất hóa học có hại gọi là tính hướng hóa dương.

Câu 6. Khi nói về 2 biện pháp: Thắp đèn ban đêm ở các vườn trồng hoa cúc vào mùa thu và bần

pháo hoa ban đêm ở các đồng mía vào mùa đông, phát biểu nào sau đây đúng?



- a) Cúc là cây ngày ngắn nên ra hoa vào mùa thu, vì mùa thu ban đêm bắt đầu dài hơn ban ngày. Thắp đèn ban đêm ở vườn hoa cúc vào mùa thu nhằm rút ngắn thời gian ban đêm, để cây cúc không ra hoa, không thiệt hại kinh tế cho người trồng hoa
 b) Mía là cây dài ngày nên ra hoa vào mùa đông.

c) Hai biện pháp này đều có tác dụng kìm hãm sự ra hoa..

d) Để ngăn cản mía ra hoa vào mùa đông sẽ phải cắt đem dài thành hai đem ngắn bằng cách bắn pháo hoa ban đêm.

Câu 7. Bầu, tên khoa học *Lagenaria siceraria*, là một loài thực vật có hoa trong họ Bầu bí (*Cucurbitaceae*). Loài này được (Molina) Standl. miêu tả khoa học đầu tiên năm 1930. Dây leo thân thảo có tua cuốn phân nhánh, phủ nhiều lông mềm màu trắng. Lá hình tim rộng, không xẻ thùy hoặc xẻ thùy rộng, có lông mịn như nhung màu trắng; cuống có 2 tuyến ở đỉnh. Hoa đơn tính cùng gốc, to, màu trắng, có cuống hoa dài tới 20 cm. Quả mọng màu xanh dợt hay đậm, có hình dạng khác nhau hoặc tròn, dài thẳng hoặc thắt eo, vỏ già cứng hoá gỗ, thịt trắng. Hạt trắng, dài 1,5 cm. Khi cây bầu có độ cao nhất định thì người ta tiến hành bấm ngọn cây, mỗi nhận định sau là Đúng hay Sai khi nói về kỹ thuật này



- Bấm ngọn cây bầu nhằm mục đích tăng năng suất cho cây bầu.
- Bấm ngọn cây bầu để giảm bớt hàm lượng auxin (là một hormone kích thích sinh trưởng) trong ngọn cây.
- Bấm ngọn cây bầu để kích thích sự phát triển của chồi bên làm tăng số lượng cành của cây.
- Bấm ngọn cây bầu để hạn chế sự vươn dài của ngọn, giúp bố trí bầu leo dàn một cách hợp lí.

III. TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1. Cho các tập tính: Tìm kiếm bạn tình, tìm tổ, kiếm ăn, ấp trứng và bảo vệ con non. Có bao nhiêu tập tính thuộc tập tính sinh sản?

Câu 2. Có bao nhiêu hình thức phản xạ dưới đây là do sinh ra đã có

- (1) Phản xạ bú ở trẻ sơ sinh.
- (2) Phản xạ khóc ở trẻ sơ sinh.
- (3) Phản xạ toát mồ hôi khi tập thể dục.
- (4) Phản xạ co chân lại khi giẫm vào đinh.
- (5) Phản xạ giật tay lại khi chạm vào nồi nóng.

Câu 3. Có bao nhiêu ví dụ **KHÔNG** thuộc về tập tính bẩm sinh?

1. Nhện thực hiện rất nhiều động tác nối tiếp để tạo thành tấm lưới
2. Tinh tinh lấy đá để đập quả dầu cọ
3. Chấm đỏ trên mỏ chim hải âu mẹ kích thích chim non ăn mồi
4. Gà con chạy trốn khi thấy đám đen trên đầu sà xuống đất

Câu 4. Trong các hiện tượng sau đây:

- (1) Hiện tượng rụng lá ở cây trinh nữ.
- (2) Hiện tượng dậy nấp ở cây nấp ảm.
- (3) Hiện tượng nở hoa lúc 10 giờ sáng của cây hoa mười giờ.
- (4) Hiện tượng đỉnh chồi sinh trưởng theo hướng ánh sáng.

Có bao nhiêu hiện tượng là ví dụ của ứng động?

Câu 5: Con quạ thông minh - Truyện ngụ ngôn của tác giả Jean de La Fontaine, quạ biết cách cho các hòn sỏi vào bình miệng nhỏ để nước trong bình dâng lên và nó có thể uống. Câu chuyện trên thể hiện hình thức học tập gì ở động vật?

- (1). In vết.
- (2). Học xã hội.
- (3). Nhận thức và giải quyết vấn đề.
- (4). Học liên kết

Câu 6. Cho các loại hạch: hạch não, hạch dầu, hạch bụng, hạch lưng, hạch thân và hạch ngực. Hệ thần kinh của côn trùng có bao nhiêu loại hạch?

Câu 7. Có bao nhiêu ý đúng đúng khi nói về tập tính của động vật ?

- (1) Tập tính học được là tập tính đặc trưng cho loài đó.
- (2) Tập tính kiếm ăn có vai trò quan trọng hàng đầu đối với sự sinh tồn của động vật.
- (3) Tập tính sinh sản và tập tính xã hội có thể bao gồm nhiều tập tính nhỏ khác.
- (4) Mỗi loài có một phạm vi bảo vệ lãnh thổ nhất định khác nhau.

Câu 8: Trong các động vật sau:

(1) giun dẹp (2) thủy tức (3) đĩa (4) trùng roi (5) giun tròn (6) gián (7) tôm

Có bao nhiêu loài có hệ thần kinh dạng chuỗi hạch?

Câu 9: “Khi trời rét, thấy môi tím tái, sơn gai ốc, ta vội tìm áo ấm để mặc” trong câu trên, có bao nhiêu phản xạ không điều kiện?

Câu 10: Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về tập tính học giải quyết vấn đề và học xã hội của động vật và người?

(1) Thầy dạy toán yêu cầu học sinh giải một bài tập đại số mới. Dựa vào những kiến thức đã có, học sinh giải được bài tập đó là kiểu học giải quyết vấn đề.

(2) Cho một tinh tinh vào một căn phòng có một số hộp trên sàn và một quả chuối treo trên cao hơn tầm với, tinh tinh sẽ biết xếp chồng các hộp lên nhau và trèo lên hộp để lấy chuối là kiểu học xã hội.

(3) Trẻ em học cách ăn bằng đũa bằng cách quan sát cách ăn bằng đũa của những người xung quanh là kiểu học giải quyết vấn đề.

(4) Tinh tinh con học cách đập vỡ quả cọ dầu để lấy nhân bằng hai hòn đá do bắt chước các con trưởng thành đã làm trước đó là kiểu học xã hội.

Câu 11: Cho ví dụ sau, có bao nhiêu ví dụ đúng khi nói về vòng đời của sinh vật?

(1) Vòng đời của sâu hại cây trồng trải qua các giai đoạn: Trứng, nhộng, bướm trưởng thành.

(2) Vòng đời của ếch trải qua các giai đoạn: trứng, phôi, nòng nọc, nòng nọc bốn chân, ếch con và ếch trưởng thành.

(3) Vòng đời của cây thông trải qua các giai đoạn: Cây non, cây trưởng thành, nón đực mang tinh tử và nón cái mang noãn bào, hợp tử, phôi trong hạt.

(4) Vòng đời của cây đậu trải qua các giai đoạn: Hạt, hạt nảy mầm, cây mầm, cây non, cây trưởng thành, cây ra hoa và tạo quả.

(5) Vòng đời của muỗi trải qua các giai đoạn: Trứng, ấu trùng, nhộng, muỗi tiền trưởng thành, muỗi trưởng thành.

Câu 12: Có bao nhiêu ví dụ sau đây là ứng dụng sự hiểu biết về tập tính của động vật vào trong cuộc sống?

(1) Đặt bẫy nhìn hình người trong ruộng lúa, nương rẫy để đuổi chim, chuột phá hoại cây trồng.

(2) Nuôi mèo để bắt chuột.

(3) Dùng pheromone nhân tạo làm chất dẫn dụ để bắt côn trùng hại cây ăn quả.

(4) Nuôi heo lầy thịt.

(5) Sử dụng chó nghiệp vụ để bắt kẻ gian, phát hiện ma túy.

Câu 13: Cấu tạo của một neuron điển hình gồm bao nhiêu phần?

Câu 14: Dựa vào chức năng, neuron được chia thành mấy nhóm?

IV. TỰ LUẬN

Câu 1: Em hãy nêu các khái niệm về cảm ứng ở thực vật?

Câu 2: Phân biệt tập tính bẩm sinh và tập tính học được.

Câu 3: Phân biệt phản xạ không có điều kiện và phản xạ có điều kiện.

Câu 4: Ứng dụng hiểu biết hormone thực vật trong thực tiễn.

Câu 5: Hãy kể một số thói quen tốt và thói quen xấu của bản thân. Đề xuất biện pháp để duy trì thói quen tốt và khắc phục thói quen xấu.

.....HẾT.....